

Vietronics

Sức mạnh sáng tạo

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY

VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2012

NỘI DUNG

TRANG

PHẦN 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

2

PHẦN 2: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2012

6



PHẦN 1

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

1. TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2011

- Kinh tế Việt nam trong năm 2011 đối mặt với nhiều thách thức do đà tăng trưởng tiếp tục chậm lại nhưng lạm phát lại tăng cao, thâm hụt thương mại và ngân sách lớn. Việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Công ty VCN cũng không nằm ngoài qui luật đó.
- Công ty chuyển văn phòng từ 167 Nguyễn Ngọc Nại sang 262 Ngọc Thụy ; Long Biên; Hà Nội. Nhờ vậy chi phí thuê địa điểm giảm xuống nhưng công ty cũng mất vài tháng để ổn định kinh doanh do việc phải làm lại đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế cho địa điểm mới; chỉnh sửa lại hóa đơn, hợp đồng đã ký cho phù hợp với đăng ký kinh doanh mới.
- Giai đoạn gần cuối năm, toàn bộ anh em tham gia nhóm dự án 1 xin chuyển công tác gây khó khăn cho việc tiếp nhận thông tin và thực hiện tiếp dự án dở dang.
- Các dự án đi vào giai đoạn cuối, yêu cầu phải dồn toàn bộ nguồn lực để hoàn thành công việc đúng tiến độ trong khi công ty bị thiếu hụt nhân lực, hạn mức tín dụng không thể chuyển đổi giữa các dự án gây ra tình trạng dự án này thừa hạn mức, dự án khác thiếu vốn lại không dùng được.

2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD năm 2011 của Công ty CP Viettronics Công nghiệp thực hiện so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2010 đã thông qua như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2011	Tỷ lệ TH/KH (%)
A	DOANH THU, THU NHẬP	280.000.000.000	266.889.447.810	
	<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>280.000.000.000</i>	<i>264.697.853.780</i>	94,53
B	CHI PHÍ	274.400.000.000	263.343.680.857	95,97
I	Chi phí trực tiếp	261.400.000.000	252.297.714.302	96,52
1	Nguyên vật liệu và dịch vụ thuê ngoài	230.900.000.000	196.056.558.596	85,02
2	Lương và các khoản có tính chất lương	7.500.000.000	7.717.048.420	102,89
3	Chi phí trực tiếp khác	10.000.000.000	8.677.016.773	86,77

4	Chi phí ngân hàng, tài chính	13.000.000.000	39.847.090.513	306,52
	Trong đó: Chênh lệch tỷ giá của hàng hóa nhập qua Tổng Công ty		12.217.392.554	
II	Chi phí gián tiếp	13.000.000.000	11.045.966.555	84,96
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.500.000.000	5.958.911.731	91,68
2	Chi phí thầu	300.000.000	25.165.000	8,39
3	Chi phí dự phòng bảo hành	6.200.000.000	5.061.889.824	81,64
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	5.600.000.000	3.545.766.953	63,31

(Đính kèm bản Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh)

Nhìn vào báo cáo trên, ta thấy chỉ tiêu chi phí ngân hàng tài chính cột thực hiện tăng đột biến so với kế hoạch. :

Chi phí : lãi tiền vay và phí NH thực tế là 27.629.697.959 VNĐ; chi phí chênh lệch tỷ giá của các tờ khai qua pháp nhân của Tổng Công ty là 12.217.392.554.

Sở dĩ chi phí tăng cao là do các dự án lớn chủ đầu tư giải ngân chậm. Việc thu hồi vốn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thanh toán, kéo theo lãi suất ngân hàng lớn. Chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá nhập về của tờ khai hải quan và tỷ giá khi thanh toán thực tế với ngân hàng. Do tỷ giá ngoại tệ trong thời gian qua liên tục tăng cao làm khoản chênh lệch này lớn.

2.2. Đánh giá, nhận định:

2.2.1. Công tác tổ chức:

- Bộ máy tổ chức:

+ Hội đồng quản trị (5 người): Ông Lưu Hoàng Long – Chủ tịch, ông Vũ Song Toàn, ông Bùi Mạnh Hùng, bà Đỗ Thúy Hương và ông Trương Quý Bách. Bà Nguyễn Thị Thu Hà làm thư ký HĐQT.

+ Ban kiểm soát (3 người) : Bà Vũ Hoài Anh (Trưởng ban); Ông Nguyễn Trung Dũng, Bà Đào Thúy Vân.

+ Các phòng ban: Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Tổng hợp; Phòng Kinh doanh; Trung tâm Thiết kế; Trung tâm Nghiên cứu phát triển.

+ Cơ cấu tổ chức Công ty : Ông Trương Quý Bách – Quyền giám đốc; ông Võ Vĩnh Hưng – kế toán trưởng. Ông Nguyễn Bá Cường - phó giám đốc đã xin chuyển công tác vào tháng 9 năm 2011;

+ Việc quản lý các dự án của Công ty được chia thành các Chủ nhiệm dự án phụ trách chung, các phần hành do các phòng chức năng đảm nhiệm. Chủ nhiệm dự án có trách nhiệm theo dõi, phối hợp với các phòng ban, chủ đầu tư để thúc đẩy việc thực hiện dự án

2.2.2. Điều hành sản xuất kinh doanh

- Công ty đã từng bước đi vào ổn định kinh doanh ở địa chỉ mới. Các phòng, ban tập trung hoàn thành các dự án lớn ở giai đoạn cuối.
- Công ty thực hiện tiếp 13 dự án do VEIC bàn giao sang, bước đầu đã kết thúc dự án Thủy điện Nậm Công 3; dự án Quan trắc vết nứt đập Thủy điện Sơn La.

- Kết quả thực hiện:

Doanh thu đạt mức 94,53% so với kế hoạch là một cố gắng rất lớn của toàn bộ đội ngũ nhân viên trong Công ty dưới sự điều hành của Hội đồng quản trị.

+ Đã hoàn thành (Bàn giao và quyết toán xong): 8 dự án. Đạt doanh thu 11.767.421.572 VND, lợi nhuận trước thuế : 470.696.862 VND.

+ Đã cơ bản hoàn thành (đã hoàn thành đến 95% khối lượng công việc, đang làm thủ tục bàn giao và quyết toán với Chủ đầu tư): 2 dự án. Đạt doanh thu 126.478.522.225 VND; lợi nhuận trước thuế : 2.529.570.444 VND.

+ Các dự án đang tiếp tục thực hiện: 5 dự án. Đạt doanh thu: 128.643.504.013 VND, lợi nhuận trước thuế là 545.499.647 VND. Trong các dự án này, 100% khối lượng công việc thiết kế đã hoàn thành, còn lại 35% khối lượng công việc mua sắm vật tư, 50% khối lượng các công việc bàn giao nghiệm thu liên quan;

***Thuận lợi:**

Đội ngũ nhân viên đã dần quen với áp lực của các dự án lớn ở giai đoạn nước rút. Có ý thức phối hợp để giải quyết công việc nhanh gọn.

***Khó khăn:**

Năm 2011 là thời gian công ty đứng trước khó khăn về nguồn tài chính với áp lực về nguồn vốn triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và áp lực trả nợ ngân hàng. Các dự án lớn Thủy điện Đarkih, Kanak tập trung giao hàng ở mức độ cao điểm. Nhu cầu vốn để mua hàng rất lớn, việc giải ngân của chủ đầu tư chậm, dẫn đến rất nhiều khó khăn về tài chính. Khó khăn về tài chính của Chủ đầu tư cũng dẫn đến việc kéo dài tiến độ của Dự án Thủy điện Bắc Hà và Kanak.

Bên cạnh đó, tất cả các dự án mới trong lĩnh vực Năng lượng cũng bị trì hoãn chủ yếu do vấn đề về nguồn vốn, dẫn đến việc Công ty không ký được những Hợp đồng có giá trị đáng kể trong năm 2011.

Chi phí chênh lệch tỷ giá rất lớn (hơn 12 tỷ) làm ảnh hưởng đến tổng chi phí của Công ty kéo giảm lợi nhuận so với kế hoạch.

Cuối năm 2011, một loạt đội ngũ anh em kỹ sư thực hiện 3 dự án lớn thôi việc dẫn đến khó khăn trong việc tiếp quản dự án. Nhóm kỹ sư mới tuyển dụng hầu hết là kỹ sư trẻ, chưa có kinh nghiệm thực tế.

***Kiến nghị:**

- Hoạt động tài chính: Hội đồng quản trị và Tổng Công ty tiếp tục hỗ trợ Công ty trong việc vay vốn với ngân hàng.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Hỗ trợ Công ty trong các quan hệ với đối tác khi cần thiết.
- Nhân lực và đào tạo: Cho phép trích quỹ đào tạo từ nguồn lợi nhuận để công ty có chiến lược đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên.

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2012

1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2012

Tình hình kinh tế chung của Việt nam năm 2012 được dự đoán sẽ còn tiếp diễn khó khăn do kinh tế toàn cầu và trong nước vẫn trong đà suy giảm và lạm phát còn cao.

Công ty VCN không chỉ đứng trước khó khăn về nguồn vốn mà còn phải đối mặt với việc xáo trộn nhân sự và thiếu những kỹ sư có kinh nghiệm.

2. MỤC TIÊU TÀI CHÍNH

2.1. Mục tiêu doanh thu và lợi nhuận (Theo bảng phụ lục đính kèm)

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2011	KẾ HOẠCH NĂM 2012	Tỷ lệ KH/TH (%)
A	DOANH THU, THU NHẬP	266.889.447.810	155.000.000.000	
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	264.697.853.780	155.000.000.000	58,56
B	CHI PHÍ	263.343.680.857	151.410.000.000	57,50
I	Chi phí trực tiếp	252.297.714.302	144.800.000.000	57,39
1	Nguyên vật liệu và dịch vụ thuê ngoài	196.056.558.596	125.800.000.000	64,17
2	Lương và các khoản có tính chất lương	7.717.048.420	5.000.000.000	64,79
3	Chi phí trực tiếp khác	8.677.016.773	6.000.000.000	69,15
4	Chi phí ngân hàng, tài chính	39.847.090.513	8.000.000.000	20,08
II	Chi phí gián tiếp	11.045.966.555	6.610.000.000	59,84
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.958.911.731	3.000.000.000	50,34
2	Chi phí thuê	25.165.000	300.000.000	1.192,13
3	Chi phí dự phòng bảo hành	5.061.889.824	3.310.000.000	65,39
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	3.545.766.953	3.590.000.000	101,25

2.2. Định hướng trong hoạt động tài chính

- Nâng cao hiệu quả của hoạt động tài chính bằng cách tăng tỷ lệ lợi nhuận trên đồng vốn, tập trung kiểm soát nguồn tín dụng và dòng tiền của các dự án.

- Tiếp tục mở rộng hạn mức tín dụng cho các dự án của Tổng công ty giao hiện đang phải tiếp tục thực hiện. Công ty tự huy động nguồn tín dụng cho các dự án mới phát sinh.
- Đề nghị Tổng Công ty hỗ trợ hạn mức tài chính và đề nghị Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký các hợp đồng huy động tín dụng với các tổ chức tín dụng của Nhà nước.

Tổng hợp nhu cầu hạn mức năm từ tháng 07 năm 2012 đến tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

	Tổng hạn mức	Đề nghị Tổng công ty hỗ trợ	Ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện
- Tổng cộng hạn mức	270.000.000.000	120.000.000.000	150.000.000.000
- Tổng hạn mức bảo lãnh	70.000.000.000	20.000.000.000	50.000.000.000
- Tổng hạn mức vay thanh toán	130.000.000.000	55.000.000.000	75.000.000.000
- Tổng hạn mức mở L/C	70.000.000.000	45.000.000.000	25.000.000.000

Sở dĩ Công ty vẫn cần Tổng Công ty hỗ trợ hạn mức 120 tỷ vì: năm 2012 dự án Bắc Hà vẫn tiếp tục triển khai mua hàng và cấp hàng cho dự án với doanh thu dự kiến là 52 tỷ. Các dự án Kanak, Darktih vẫn còn nợ vay ngân hàng chưa thanh toán. Dự án Darktih, Sơn La đang ở vào giai đoạn cuối và có thể phải phát hành bảo lãnh bảo hành vào cuối năm.

3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

3.1. Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục lấy việc Thực hiện dự án (dịch vụ) làm sản xuất kinh doanh chính của Công ty;
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư để sản xuất các thiết bị điện tử công nghiệp, điện tử phục vụ ngành giao thông vận tải, đánh bắt thủy sản và tàu thủy, chuyển dần cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh sang các lĩnh vực nói trên sau năm 2012.

3.2. Mục tiêu thực hiện các dự án

- Kết thúc 100% các dự án chuyển tiếp từ hai trung tâm trong năm 2012.
- Hoàn thành 80% khối lượng các dự án Công ty đã ký năm 2012 (tổng giá trị 16 tỷ đồng);
- Ký mới các Dự án giá trị tối thiểu 100 tỷ đồng (Thủy điện Thượng Kon Tum, Thủy điện Đắk Mi 2, Thủy điện Nậm Mô, v.v...)

3.3. Đầu tư, phát triển

- Đầu tư theo chiều sâu vào nhân sự và các quy trình đảm bảo chất lượng công việc, nâng cao hiệu quả quản lý dự án;
- Đầu tư Nghiên cứu thị trường, hệ thống kinh doanh và phát triển các sản phẩm điện tử nói trên.

4. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

4.1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

- Xây dựng hệ thống theo định hướng tách riêng hai phần là Thực hiện dự án và Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm Điện tử.
- Xây dựng các chủ nhiệm dự án, nhóm chuyên quản lý dự án phù hợp với từng loại dự án khác nhau. Xây dựng các nhóm gián tiếp hỗ trợ chuyên nghiệp cho các Nhóm quản lý dự án.
- Xây dựng nhóm phát triển sản phẩm điện tử và chuẩn bị sản xuất, bán hàng.

4.2. Các quy chế và quy trình phục vụ hoạt động của Công ty

- Hoàn thiện quy chế trả lương, quy chế bán hàng, quy chế thực hiện dự án.
- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO9001-2000.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2012

Giám đốc Công ty



Trương Quý Bách